

# GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TẠI VIỆT NAM

Hà Thị Thu Phương \*

Thái Vân Hà \*

**Tóm tắt:** Chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng đã được cụ thể hóa bằng Nghị định số 53/2006/NĐ-CP và Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 135/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính. Nguồn tài chính phục vụ hoạt động của các trường đại học tư thực (ĐHTT) chủ yếu dựa vào sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân, vào học phí của người học. Sự hỗ trợ của Nhà nước còn rất khiêm tốn. Vì vậy, những trường ĐHTT mới thành lập gặp không ít khó khăn. Bài viết phân tích thực trạng tài chính của các trường đại học tư thực tại Việt Nam, đề xuất một số giải pháp huy động nguồn lực tài chính phát triển trường và kiến nghị Nhà nước ban hành các chính sách ưu đãi về tài chính, đất đai, ... đối với các trường đại học tư thực.

**Từ khóa:** đại học tư thực, đại học công lập, nguồn lực tài chính, huy động, nguồn vốn.

**Summary:** The Party's policy on socialization of education has been concretized by Decree No. 53/2006/ND-CP and Decree No. 69/2008 / ND-CP of the Government, Circular No. 135/2008/TT-BTC of the Ministry of Finance. The financial source for the operation of private universities is mainly based on the contributions of organizations and individuals, and based on the student's tuition. The State's support is still very modest. Therefore, the newly established private universities faced many difficulties. The article analyzes the financial situation of private universities in Vietnam, proposes a number of solutions to mobilize financial resources for university development and recommends the State to promulgate policies on financial incentives, land, ..., for private universities.

**Keywords:** private universities, public universities, financial resources, mobilization, capital resources.

## 1. Khái quát

Các trường đại học tư thực (ĐHTT) ở nước ta bắt đầu xuất hiện từ những năm đầu thế kỷ XXI. Chủ trương của Đảng về xã hội hóa giáo dục và các chính sách của Nhà nước đã bước đầu tạo điều kiện thuận lợi cho trường

ĐHTT phát triển, giúp các trường xác lập được vị thế và khẳng định được thương hiệu của mình trong bức tranh chung của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, như các Trường Đại học Duy Tân, Thăng Long, Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, FPT, ...

\* Viện Đào tạo sau đại học,  
Trường ĐH KD&CN Hà Nội.

Vào cuối năm 2016, cả nước có 60 trường ĐHTT (Bảng 1). Đến hết năm học 2017-2018, số lượng trường ĐHTT không thay đổi, duy trì ở mức 236 (không tính các trường thuộc khối An ninh, Quốc phòng), chiếm tỷ lệ gần

25.5% [3], phân bố ở 29/63 tỉnh, thành: miền Bắc – 23 trường, miền Trung - Tây nguyên – 12 trường và miền Nam – 25 trường. Hà Nội có số lượng nhiều nhất: 13 trường, tiếp đến là TP. Hồ Chí Minh: 12 trường.

**Bảng 1. Số lượng các trường đại học ngoài công lập của Việt Nam (từ năm 1994 đến năm 2017)**

Số trường và cơ cấu	1994	2000	2005	2010	2017
Trường đại học ngoài công lập, trường	5	16	20	51	60
So với tổng số các trường đại học trong cả nước, %	8,6	18,2	16,9	26,7	25,5

Ngoài ra, ở Việt Nam có 5 trường ĐHTT 100% vốn đầu tư nước ngoài, như Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam (thành lập năm 2000, TP. Hồ Chí Minh), Đại học Anh quốc Việt Nam (2009, TP. Hà Nội), Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam (2015, tỉnh Hưng Yên), Đại học Mỹ tại Việt Nam (2015, TP. Đà Nẵng) và Đại học Fulbright Việt Nam (2016, TP. Hồ Chí Minh). Xuất hiện mô hình trường ĐHTT không vì lợi nhuận.

ĐHTT trong nhiều năm chiếm trên 10% tổng số sinh viên đại học của cả nước. Năm học 2017-2018 chiếm 15.67% (Bảng 2): 267.530/1.707.025 sinh viên. Một số trường đã tuyển sinh viên quốc tế đến học, thực tập, cũng như trao đổi sinh viên với các trường bạn.

Về quy mô sinh viên, các trường

Trong những năm gần đây, số sinh viên tốt nghiệp các trường ĐHTT chiếm từ 12% trở lên trong tổng số sinh viên tốt nghiệp hàng năm.

**Bảng 2. Số lượng sinh viên các trường đại học của Việt Nam (từ năm học 2013-2014 đến năm học 2017-2018)**

Năm học	Tổng số sinh viên	Sinh viên các trường đại học Công lập	Sinh viên Tư thục	Sinh viên tư thục/ tổng số, %
2013-2014	1.670.023	1.493.354	176.669	10.58
2014-2015	1.824.328	1.596.754	227.574	12.47
2015-2016	1.753.174	1.520.807	232.367	13.25
2016-2017	1.767.879	1.523.904	243.975	13.80
2017-2018	1.707.025	1.439.495	267.530	15.67

Về quy mô giảng viên, năm học 2017-2018, các trường ĐHTT chiếm 21,01% của cả nước (15.759/74.991 giảng viên), tăng so với các năm học trước đó. Số giảng viên là tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư chiếm tỷ lệ 15.82% (3195/ 20.198 giảng viên). Một số trường ĐHTT đã tuyển dụng được đội ngũ giảng viên quốc tế về giảng dạy và nghiên cứu.

Những số liệu trên cho thấy, sau hơn nhiều năm hình thành và phát triển, các trường ĐHTT đã góp phần nâng cao đáng kể năng lực của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam; đóng góp quan trọng vào tiến trình hội nhập với giáo dục đại học quốc tế; cung cấp hàng trăm ngàn nhân lực có trình độ từ bậc đại học trở lên phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất

nước và bảo vệ tổ quốc; bằng cách đó, chia sẻ đáng kể gánh nặng tài chính cho Nhà nước; bảo đảm việc làm cho hàng vạn lao động; đóng góp cho ngân sách nhà nước hàng trăm tỷ đồng. Ví dụ, trong năm 2016 tổng nộp ngân sách nhà nước của chỉ 43 trường đại học tư thục đã đạt hơn 111 tỷ đồng.

Nói cách khác, hệ thống ĐHTT Việt Nam ngày càng phát triển và khẳng định vai trò không thể thiếu trong hệ thống giáo dục đại học.

## 2. Các nguồn lực tài chính

### 2.1. Nguồn tài chính phát triển hệ thống trường ĐHTT

Để giải quyết khó khăn về nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục đại học, từ năm 1997, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 90/CP ngày 21/08/1997 về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, văn hóa và y tế. Tiếp đó, ngày 18/04/2005, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 05/NQ-CP về chủ trương xã hội hóa giáo dục, văn hóa, y tế, thể thao thay thế Nghị quyết số 90/CP. Theo đó, chính sách tài chính đối với giáo dục đại học có một số đổi mới: chuyển hệ thống cung cấp tài chính đơn kênh sang đa kênh; tiến hành việc phân hóa mức tài trợ nguồn lực cho giáo dục đại học: khuyến khích khu vực tư nhân tham gia đầu tư phát triển mạng lưới các trường; hình thành và phát triển hệ thống các trường ĐHTT; bảo đảm quyền sở hữu theo luật pháp và các quyền lợi về vật chất và tinh thần cho các nhà đầu tư tư nhân trong lĩnh vực giáo dục đại học.

Hiện nay, giáo dục đại học Việt Nam đã huy động được nhiều nguồn tài chính ngoài nhà nước, phát triển hệ thống các trường ĐHTT, như vốn góp của các cổ đông, vốn tích lũy tập trung bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm của trường

(học phí, lệ phí, thu từ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật) và các nguồn tài chính khác, như:

- Lãi tiền gửi ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng;

- Các khoản đầu tư, tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng (bằng tiền, bằng hiện vật) của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước;

- Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, cá nhân.

Trường ĐHTT hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện góp vốn, tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi phù hợp với các điều kiện đảm bảo chất lượng; thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, thống kê, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác liên quan. Trường ĐHTT được vay vốn của các tổ chức tín dụng để đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất, cung ứng dịch vụ. Mặc dù nguồn vốn do các tổ chức, cá nhân đầu tư tự nguyện, nhưng sau khi góp vốn, thì trở thành tài sản chung, tài sản xã hội vì sự nghiệp phát triển giáo dục ổn định, lâu dài, nên không thể tùy tiện rút vốn, chuyển nhượng vốn như đối với các doanh nghiệp. Nhà nước vẫn phải quan tâm tạo điều kiện cả về tài chính để trường ĐHTT thực hiện các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, đào tạo theo đặt hàng và chỉ tiêu nhà nước, chuẩn hóa đội ngũ giảng viên.

### 2.2. Thực trạng

Thời gian qua, Nhà nước đã quan tâm ban hành hành lang pháp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động các trường ĐHTT, nhưng vẫn còn nhiều bất cập, chưa đảm bảo công bằng, bình

đăng với các trường đại học công lập, nên ảnh hưởng tới sự vận hành và phát triển của các trường ĐHTT.

Thực tế cho thấy, nguồn tài chính của các trường ĐHTT chủ yếu là do sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân; sự vận hành chủ yếu cân đối dựa trên nguồn học phí của sinh viên, hầu như không có sự hỗ trợ của Nhà nước, nên những trường ĐHTT mới thành lập gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Về nguồn vốn, các cơ sở đại học công lập được đảm bảo từ ngân sách nhà nước hàng năm. Với các trường ĐHTT, thì phải tự chủ, tự lo. Điều này cũng khác nhiều với các trường ĐHTT ở nước ngoài.

Nguồn vốn quan trọng của các trường ĐHTT được bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm. Mặc dù các văn bản quy phạm pháp luật không đề cập đến vấn đề lợi nhuận, nhưng về bản chất, hoạt động của cơ sở ĐHTT sẽ tạo ra các giá trị lợi nhuận, trở thành nguồn vốn quan trọng để tiếp tục phát triển trường. Muốn vậy, các trường phải tuyển được người học, ít nhất phải đủ chỉ tiêu. Nhưng, do chính sách tuyển sinh thời gian qua bất cập, làm cho phần lớn các trường ĐHTT không tuyển được đủ chỉ tiêu, thậm chí, đang đứng trước nguy cơ không có người đăng ký học, khó có thể tồn tại, nói gì đến lợi nhuận, đóng thuế cho Nhà nước.

- Về thuế, phí: Theo quy định hiện hành về tài chính và thuế, thì gần như trường ĐHTT đang được đối xử như một doanh nghiệp. Nếu áp dụng mức thuế suất như quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, sẽ vừa là thách thức, vừa là gánh nặng đối với các trường ĐHTT.

Mặt khác, theo quy định của các văn bản pháp luật về giáo dục thì các trường ĐHTT hoạt động không vì mục đích lợi nhuận sẽ không phải nộp thuế. Tuy nhiên, Nhà nước chưa có cơ chế, chính sách cụ

thể cho loại trường này.

- Về học phí, đã và đang có sự không công bằng giữa sinh viên các trường đại học công lập và sinh viên các trường ĐHTT. Một bên, sinh viên phải trả 100% chi phí đào tạo, còn một bên chỉ trả khoảng 30-40% (phần còn lại do Nhà nước bao cấp). Thật ra, Nhà nước có hỗ trợ cho sinh viên trường ĐHTT, chủ yếu cho một số đối tượng chính sách xã hội. Nhưng chính họ cũng chưa được hưởng đầy đủ và kịp thời các chính sách của Nhà nước như sinh viên các trường công.

### **3. Một số giải pháp**

Để gia tăng nguồn lực tài chính phát triển ĐHTT, xin đề xuất một số giải pháp như sau:

*Thứ nhất*, tổ chức lại các trường đại học ở nước ta theo hai loại hình công lập và tư thục. Nhà nước đảm bảo không có sự phân biệt về tính tự chủ, trách nhiệm xã hội, quyền hạn của một trường đại học. Hai loại trường này có chức năng đào tạo, nghiên cứu, thực hiện các dịch vụ về giáo dục và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ như nhau; chỉ khác nhau duy nhất về nguồn tài chính cấp cho hoạt động của trường: từ ngân sách nhà nước đối với trường công và từ học phí, đóng góp của nhà đầu tư,... đối với trường tư.

Nhà nước đảm bảo không phân biệt ngay cả việc đặt tên trường, loại hình đào tạo và văn bằng của người học. Thông qua cạnh tranh lành mạnh và chất lượng đào tạo của mỗi trường để có được sự đánh giá, tín nhiệm của xã hội, của người học và của thị trường lao động.

*Thứ hai*, phân định rõ loại hình ĐHTT phi lợi nhuận và ĐHTT vì lợi nhuận. Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển loại hình ĐHTT phi lợi nhuận và cho phép thành lập các trường ĐHTT vì lợi nhuận. Đối với các trường phi lợi nhuận, Nhà

nước cấp đất, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và miễn thuế cho người đóng góp, tài trợ một phần chi phí cần thiết. Nhà nước quy định rõ cơ chế, chính sách cho hai loại hình này và cần đảm bảo bình đẳng thật sự với các trường đại học công lập. Các trường đều được quyền tham dự đấu thầu cung ứng dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, sinh viên và giáo chức các trường đều bình đẳng trong việc hưởng các khoản tài trợ của Nhà nước.

*Thứ ba*, Nhà nước xây dựng chính sách khuyến khích các nhà tài trợ cho các trường ĐHTT, mọi khoản hiến tặng cho trường ĐHTT không vì lợi nhuận đều được miễn thuế và ghi danh.

Chính sách miễn thuế cho những đóng góp hảo tâm cũng nhằm khuyến khích xây dựng truyền thống của trường đối với sinh viên đã tốt nghiệp ra trường. Chất lượng không thể chỉ xây dựng bằng tài chính mà còn bằng truyền thống tạo dựng danh tiếng cho trường và niềm tự hào về trường. Cần tạo cơ hội cho cựu sinh viên không chỉ đóng góp tiền bạc, mà cả chất xám cho trường. Ở Mỹ, bao giờ cũng có sự tham dự của cựu sinh viên trong Hội đồng trường.

*Thứ tư*, đảm bảo thực hiện quyền tự chủ của trường ĐHTT, trong đó có tự chủ trong tuyển sinh là xu thế đang được thực hiện tại hầu hết các quốc gia trên thế giới. Nhà nước cần giao quyền tự chủ cho các trường ĐHTT theo đúng nghĩa, đặc biệt trong tuyển sinh và trong mở ngành. Trước đây, ta chưa thực hiện được tự chủ trong tuyển sinh, vì các trường chưa đủ khả năng. Hiện nay, nhiều trường đã đủ năng lực, nhân sự và xu hướng thí sinh biết chọn lựa trường học, ngành học. Tất nhiên, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo vẫn quản lý phát triển giáo dục đại học về mặt nhà nước.

*Thứ năm*, đảm bảo hài hòa lợi ích của các đối tượng tham gia phát triển trường ĐHTT. Sự hình thành và phát triển trường ĐHTT thời gian qua cho thấy, nguồn lực của xã hội đầu tư cho giáo dục đại học rất lớn và còn rất nhiều tiềm năng. Tuy nhiên, do tác động của cơ chế thị trường, lợi nhuận đối với vốn đầu tư thường được các nhà góp vốn coi trọng nhất. Nhưng, trường ĐHTT không phải là một doanh nghiệp bình thường, mà là một đơn vị hoạt động lấy giáo dục con người làm mục tiêu. Trong khi mục tiêu của doanh nghiệp là lợi nhuận tối đa thì bản chất trường ĐHTT là hướng sản phẩm sinh viên tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội. Trên thực tế, có một số khâu trong quản lý trường giống với quản lý doanh nghiệp, nhưng không vì thế mà coi trường như doanh nghiệp.

*Thứ sáu*, đối với các cơ sở ĐHTT muốn đa dạng các nguồn lực và phát triển bền vững, phải nâng cao chất lượng đào tạo để tự định đoạt lấy thương hiệu của mình. Do đó, cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đổi mới hoạt động của trường theo hướng bảo đảm chất lượng đào tạo; chất lượng đào tạo phải được đặt lên hàng đầu; quan tâm tạo môi trường học tập và giảng dạy thật tốt, sớm được kiểm định và công nhận về chất lượng để khẳng định thương hiệu và uy tín đối với xã hội. Đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục. Kết hợp hợp lý những nội dung cơ bản với kiến thức mới hiện đại, hội nhập khu vực và quốc tế; gắn kết chặt chẽ với thực tiễn nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và nghề nghiệp trong xã hội. Đổi mới phương pháp đào tạo, phát huy tính chủ động của người học; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động dạy và học. Khai thác

các nguồn tư liệu giáo dục mở và nguồn tư liệu trên mạng Internet. Lựa chọn, sử dụng các chương trình, giáo trình tiên tiến của các nước.

- Quan tâm xây dựng các chính sách, biện pháp hợp lý, coi việc phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên là khâu then chốt, là điều kiện hàng đầu đảm bảo cho trường phát triển bền vững. Đội ngũ giảng viên phải được chuẩn hóa về trình độ, phẩm chất và năng lực sư phạm, phải thực hiện đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ, tin học và rèn luyện phẩm chất đạo đức. Có được đội ngũ giảng viên giỏi đã khó, nhưng giữ được họ còn khó hơn, đòi hỏi sự nhạy bén trong xây dựng chính sách quản lý của cơ sở đào tạo. Từ việc xác định mục tiêu, sứ mạng của trường đến việc hoạch định các chính sách cụ thể, như thu hút, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh, đào tạo, bồi dưỡng, ..., đến việc tạo môi trường làm việc và các điều kiện khác về cơ sở vật

chất, trang thiết bị giảng dạy, môi trường văn hóa làm việc, ..., đều phải chú trọng thì mới có được đội ngũ giảng viên có chất lượng phục vụ cho cơ sở đào tạo.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang thiết bị, thư viện, phòng thí nghiệm hiện đại phù hợp với quy mô và chuyên ngành đào tạo; đảm bảo đáp ứng yêu cầu và nâng cao trình độ đào tạo.

- Chủ động tạo dựng các mối quan hệ và liên kết với các cơ sở đào tạo đại học trong và ngoài nước, ví dụ như liên kết trong nội bộ các trường ĐHTT, liên kết với các trường đại học công lập, đặc biệt là các trường lớn, có thương hiệu, liên kết với doanh nghiệp, liên kết với các cơ sở giáo dục nước ngoài để chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm trong quản lý, đào tạo. Các trường ĐHTT phải chủ động sáng tạo, vừa học hỏi những điểm tốt từ các mô hình của các trường bạn để vận dụng, vừa phải có cách làm riêng phù hợp với đặc thù của trường mình./.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009). *Báo cáo số 760 /BC-BGDĐT ngày 29/10/2009 về sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học, các giải pháp đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu các trường đại học ngoài công lập.*
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Tài liệu Hội nghị Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục đại học và trường sư phạm năm 2018.*
4. <http://www.moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ke.aspx>
5. <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/giai-phap-phat-trien-he-thong-cactruong-dai-hoc-tu-thuc-viet-nam-post189878.gd>
6. <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/25-nam-hinh-thanh-phat-trien-dai-hoc-tu-thuc-ngay-cang-dong-vai-tro-quan-trong-post203348.gd>

Ngày nhận: **04/09/2020**

Phản biện: **04/10/2020**

Đăng tạp chí: **05/05/2021**